## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I MÔN LỊCH SỬ LỚP 11

**Năm học 2022-2023**

## PHẦN I: LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

## CHƯƠNG 1: CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA-TINH

## BÀI 1: NHẬT BẢN

**Câu 1.** **Người đứng đầu chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản được gọi là**

A. Thiên hoàng.     B. Sôgun (Tướng quân). C. Nữ hoàng.     D. Vua.

**Câu 2. Cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã sử dụng chính sách gì để ép Nhật Bản phải “ mở cửa”?**

A. Đàm phán ngoại giao. B. Áp lực quân sự.

C. Tấn công xâm lược. D. Phá hoại kinh tế.

**Câu 3. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng nhất về tình hình xã hội Nhật Bản giữa thế kỉ XIX?**

A. Xã hội ổn định.

B. Tồn tại nhiều mâu thuẫn ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

C. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân với lãnh chúa phong kiến.

D. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

**Câu 4. Mục đích chính của Thiên hoàng Minh Trị khi thực hiện những cải cách về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội?**

A. Đưa Nhật Bản phát triển mạnh như các nước phương Tây.

B. Biến Nhật Bản trở thành một cường quốc ở Châu Á.

C. Giúp Nhật Bản thoát khỏi bị lệ thuộc vào phương Tây.

D. Đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng một nước phong kiến lạc hậu.

**Câu 5. Ý nào phản ánh** không đúng **chính sách cải cách về quân sự trong cuộc Duy tân Minh Trị?**

A. Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây.

B. Thực hiện chế độ nghĩa vụ thay thế cho chế độ trưng binh.

C. Nhà nước nắm giữ ngành đóng tàu, sản xuấ vũ khí.

D. Mua vũ khí của phương Tây để hiện đại hóa quân đội.

**Câu 6. Ý nào** không **phản ánh đúng ý nghĩa cuôc Duy tân Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản?**

A. Có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.

B. Đưa Nhật Bản phát triển theo con đường của các nước tư bản phương Tây

C. Đưa Nhật Bản trở thành một nước đế quốc duy nhất ở Châu Á.

D. Xóa bỏ chế độ quân chủ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

**Câu 7. Việt Nam có thể học tập bài học kinh nghiệm nào từ cuộc Duy tân Minh Trị để vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?**

A. Xóa bỏ; tiếp nhận, học hỏi cái tiến bộ, thành tựu của thế giới.

B. Dựa vào sức mạnh của khối đoàn kế toàn dân để tiến hành thành công công cuộc đổi mới đất nước.

C. Tiếp nhận, học hỏi cái tiến bộ của thế giới, thay đổi cái cũ cho phù hợp với điều kiện của đất nước.

D. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài để khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.

## BÀI 2: ẤN ĐỘ

**Câu 1. Từ đầu thế kỉ XVII, các nước tư bản phương Tây nào tranh nhau xâm lược Ấn Độ?**

A. Pháp, Tây Ban Nha.    B. Anh, Bồ Đào Nha. C. Anh, Hà Lan.    D. Anh, Pháp.

**Câu 2. Nội dung nào phản ánh *đúng* tình hình Ấn Độ giữa thế kỉ XIX?**

A. Thực dân Anh hoàn thành xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ

B. Anh và Pháp bắt tay nhau cùng thống trị Ấn Độ

C. Chế độ phong kiến Ấn Độ sụp đổ hoàn toàn

D. Các nước đế quốc từng bước can thiệp vào Ấn Độ

**Câu 3. Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh coi Ấn Độ là**

A. thuộc địa quan trọng nhất. B. đối tác chiến lược.

C. kẻ thù nguy hiểm nhất. D. chỗ dựa tin cậy nhất.

**Câu 4. Ý nào** *không* **phản ánh đúng chính sách kinh tế của thực dân Anh đối với Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX?**

A. Ra sức vơ vé lương thực, nguyên liệu cho chính quốc.

B. Đầu tư vốn phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn.

C. Mở rộng công cuộc khai thác một cách quy mô.

D. Bóc lột nhân công để thu lợi nhuận.

**Câu 5. Chính sách cai trị của thực dân Anh ở ẤN Độ có điểm gì đáng chú ý?**

A. Chính phủ Anh cai trị trực tiếp

B. Cai trị thông qua bộ máy chính quyền bản xứ

C. Dựa vào các chúa phong kiến Ấn Độ để cai trị

D. Là sự kết hợp giữa bộ máy chính quyền thực dân và các chúa phong kiến

**Câu 6.** **Ngày 1 -1 – 1877, Nữ hoàng Anh tuyên bố**

A. đồng thời là nữ hoàng Ấn Độ.

B. đồng thời là Thủ tướng Ấn Độ.

C. Ấn Độ là một bộ phận không thể tách rời của nước Anh.

D. nới lỏng quyền tự trị cho Ấn Độ.

**Câu 7.** Đảng Quốc đại là chính đảng của giai cấp nào?

A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tư sản. D. Địa chủ.

**Câu 8.** Sự kiện nào đánh dấu giai đoạn giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị?

A. Đảng Quốc dân Đại hội (Quốc đại) thành lập.

B. Đảng Quốc đại đứng lên lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Anh.

C. Đảng Quốc đại trở thành Đảng cấm quyền.

D. Giai cấp tư sản trở thành lực lượng chính trong xã hội.

## BÀI 3: TRUNG QUỐC

**Câu 1.** Người khởi xướng cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là

A. Hồng Tú Toàn và Lương Khải Siêu. B. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

C. Từ Hi Thái hậu và Khang Hữu Vi. D. Khang Hữu Vi và Tôn Trung Sơn.

**Câu 2.** Mục đích chính của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là

A. Khẳng định vai trò quan lại, sĩ phu tiến bộ.

B. Đưa Trung Quốc phát triển thành một cường quốc ở Châu Á.

C. Thực hiện những cải cách tiến bộ để cải thiện đời sống nhân dân.

D. Đưa Trung Quốc phát triển, thoát khỏi tình trạng bị các nước đế quốc xâu xé.

**Câu 3.** Cuộc khởi nghĩa nông dân nào lớn nhất trong lịch sử phong kiến Trung Quốc?

A. Thái Bình Thiên quốc. B. Nghĩa Hòa đoàn.

C. Khởi nghĩa Vũ Xương. D. Khởi nghĩa Thiên An môn.

**Câu 4.** Trung Quốc Đồng minh hội là chính đảng của giai cấp nào?

A. Tư sản. B. Nông dân. C. Công nhân. D. Tiểu tư sản.

**Câu 5.** Tính chất của cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 là gì?

A. Cách mạng vô sản. B. Cách mạng Dân chủ tư sản.

C. Chiến tranh đế quốc. D. Cách mạng văn hóa.

**Câu 6.** Ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi đến phong trào giải phóng dân tộc đến châu Á như thế nào?

A. Góp phần cổ vũ phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

B. Góp phần cổ vũ phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản.

C. Góp phần cổ vũ phong trào đấu tranh vì mục tiêu kinh tế.

D. Góp phần cổ vũ phong trào đấu tranh chống chiến tranh đế quốc phi nghĩa.

**Câu 7.** Ý nào không phải là ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911)?

A. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

B. Chấm dứt sự thống trị của các nước đế quốc ở Trung Quốc.

C. Tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước Châu Á.

D. Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ phong kiến ở Trung Quốc.

## 

## BÀI 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

**Câu 1.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa ở Campuchia bùng nổ cuối thế kỉ XIX là do?

A. Chính sách thống trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp.

B. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp.

C. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chế độ phong kiến.

D. Nhân dân bất bình trước thái độ nhu nhược của hoàng tộc.

**Câu 2.** Cuộc khởi nghĩa được xem là biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia là

A. Khởi nghĩa của Acha Xoa.        B. Khởi nghĩa của Pucômbô.

C. Khởi nghĩa của Commađam.        D. Khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha.

**Câu 3.** Ý **không** phản ánh đúng nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự thất bại của các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Đông Dương cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

A. Mang tính tự phát.

B. Lực lượng quân Pháp ở Đông Dương rất mạnh, đủ sức đàn áp phong trào.

C. Thiếu đường lối đúng đắn và thiếu tổ chức mạnh.

D. Chưa có sự đoàn kết, phối hợp đấu tranh giữa tất cả các lực lượng.

**Câu 4.** Những cải cách ở Xiêm từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đều theo khuôn mẫu từ

A. Các nước phương Đông.       B. Các nước phương Tây.

C. Nhật Bản.        D. Trung Quốc.

**Câu 5.** Chính sách ngoại giao đã đưa đến hậu quả gì cho nước Xiêm?

A. Đất nước chịu nhiều lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp.

B. Đất nước bị các nước Anh, Pháp chia cắt, thống trị.

C. Đất nước chịu nhiều áp lực từ các nước lớn.

D. Đất nước thường xuyên lâm vào tình trạng khủng hoảng, bất ổn.

**Câu 6.** Nhận xét nào sau đây **không** đúng khi nói về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cuối TK XIX – đầu TK XX?

A. Phong trào diễn ra rộng lớn, đoàn kết đấu tranh trong cả nước.

B. Hình thức đấu tranh phong phú nhưng chủ yếu là đấu tranh vũ trang.

C. Thu hút đông đảo nhân dân tham gia, gây tổn thất nặng nề cho các nước đế quốc.

D. Phong trào diễn ra đơn lẽ, chưa có sự thống nhất giữa các địa phương.

**Câu 7.** Trong bối cảnh chung của các nước châu Á cuối TK XIX – đầu TK XX, Nhật Bản và Xiêm thoát khỏi thân phận thuộc địa vì

A. Cắt đất cầu hòa. B. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

C. Tiến hành cải cách, mở cửa. D. Tiếp tục duy trì chế độ phong kiến cũ.

## BÀI 5: CHÂU PHI VÀ CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

## (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

**Câu 1.** Nguyên nhân chủ yếu nào khiến các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé Châu Phi?

A. Lục địa châu Phi rộng lớn, giàu tài nguyên.

B. Trình độ phát triển chung của châu Phi thấp, chưa biết sử dụng đồ sắt.

C. Các nước tư bản phương Tây cạnh tranh gay gắt để tìm thị trường.

D. Dân cư sinh sống ở châu Phi thưa thớt, trình độ dân chí thấp.

**Câu 2.** Các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi khi

A. Kênh đào Xuyê hoàn thành. B. Kênh đào Panama hoàn thành

C. Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân bùng nổ.

D. Chính quyền nhiều quốc gia châu Phi suy yếu.

**Câu 3**. Quốc gia nào là nước cộng hòa da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh?

A. Ha-i-ti. B. Cu-ba. C. Ác-hen-ti-na. D. Mê-hi-cô.

**Câu 4**. Mục đích của những chính sách mà Mĩ áp dụng tại các nước Mĩ Latinh là

A. biến Mĩ Latinh thành “sân sau” của Mĩ.

B. giúp các nước Mĩ Latinh thoát khỏi thực dân Bồ Đào Nha.

C. giúp các nước Mĩ Latinh thoát khỏi thực dân Tây Ban Nha.

D. giành độc lập cho Mĩ Latinh.

**Câu 5**. Nước nào có phần thuộc địa ở châu Phi rộng lớn nhất?

A. Anh. B. Pháp. C. Mĩ. D. Hà Lan.

**Câu 6**. Đến đầu thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh có gì khác so với châu Phi?

A. Chưa giành được thắng lợi.

B. Nhiều nước giành được độc lập.

C. Trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

**Câu 7.** Chính sách mà Mĩ đã thực hiện ở khu vực Mĩ Latinh từ đầu thế kỉ XX chính là biểu hiện của

A. Chủ nghĩa thực dân mới.        B. Chủ nghĩa thực dân cũ.

C. Sự đồng hóa dân tộc.       D. Sự nô dịch văn hóa.

## BÀI 6: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

**Câu 1.** Yếu tố nào đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

A. Sự phát triển không đều về kinh tế, chính trị của chủ nghĩa tư bản.

B. Việc sở hữu các loại vũ khí có tính sát thương cao.

C. Hệ thống thuộc địa không đồng đều.

D. Tiềm lực quân sự của các nước tư bản phương Tây.

**Câu 2.** Chủ trương của giới cầm quyền Đức trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là

A. Tiến hành các cuộc chiến tranh nhằm giành giật thuộc địa, chia lại thị trường.

B. Chủ động đàm phán với các nước đế quốc để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn.

C. Liên minh với các nước đế quốc.

D. Gây chiến với các nước đế quốc láng giềng.

**Câu 3.** Lí do nào sau đây khiến Đức là kẻ hung hãn nhất trong cuộc đua giành thuộc địa cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX ?

A. Nước Đức có tiềm lực kinh tế, quân sự nhưng lại ít thị trường, thuộc địa.

B. Nước Đức có lực lượng quân dội hùng mạnh, được huấn luyện đầy đủ.

C. Nước Đức có nền kinh ế phát triển mạnh nhất Châu Âu.

D. Giới quân phiệt Đức tự tin có thể chiến thắng các đế quốc khác.

**Câu 4.** Dấu hiệu nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX quan hệ quốc tế giữa các đế quốc ở Châu Âu ngày càng căng thẳng?

A. Sự hình thành các khối, các liên minh chính trị.

B. Sự hình thành các khối, các liên minh kinh tế.

C. Sự hình thành các khối, các liên minh quân sự.

D. Sự tập trung lực lượng quân sự ở biên giới giữa các nước.

**Câu 5.** Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) là gì?

A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội

B. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân

D. Thái tử Áo – Hung bị một người yêu nước Xécbi ám sát

**Câu 6.** Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) là gì?

A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội

B. Mâu thuẫn giữa tư sản với chúa phong kiến ở các nước tư bản

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân ở các nước tư bản

D. Thái tử Áo – Hung bị một người yêu nước Xécbi ám sát

**Câu 7.** Đức sử dụng chiến lược nào trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Đánh nhanh thắng nhanh/đánh chớp nhoáng.

B. Đánh cầm cự, vừa đánh vừa đàm phán.

C. Tiến công thẳng vào các đối thủ thuộc phe Hiệp ước.

D. Đánh lâu dài để gìn giữ lực lượng.

**Câu 8.** Lí do nào sau đây khiến Mĩ giữ thái độ “trung lập” trong giai đoạn đầu của cuộc Chiến tranh hế giới thứ nhất ?

A. Muốn lợi dụng chiến tranh để bán vũ khí cho cả hai phe.

B. Chưa đủ tiềm lực để tham chiến.

C. Không muốn “hi sinh” một cách vô ích.

D. Sợ quân Đức tấn công làm tổn hại đến quyền lợi của mình.

**Câu 9.** Ngày 3 – 3 – 1918, Hòa ước Brét Litốp được kí kết giữa

A. Nga và Pháp.        B. Nga và Đức. C. Anh và Pháp.        D. Đức và Mĩ.

**Câu 10.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước chuyển biến lớn của cục diện chính trị thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Chính phủ mới được thành lập ở Đức. B. Cách mạng bùng nổ mạnh mẽ ở Đức.

C. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện.

D. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước Xô viết được thành lập.

**Câu 11.** Từ cuối năm 1916, Đức, Áo-Hung

A. từ thế chủ động chuyển sang phòng ngự.

B. từ thế phòng ngự chuyển sang chủ động.

C. từ thế bị động chuyển sang phản công.

D. hoàn toàn giành thắng ở châu Âu.

**Câu 12.** Cuộc “chiến tranh tàu ngầm” của Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất, đã

A. mở đầu chiến tranh. \

B. gây cho Anh nhiều thiệt hại.

C. làm thất bại âm mưu đánh nhanh của Pháp.

D. buộc Mĩ phải tham chiến về phe Liên minh.

**Câu 13.** Năm 1917 cách mạng Tháng Mười Nga thành công, nhà nước Xô Viết ra đời, thông qua Sắc lệnh Hòa bình, kêu gọi chính phủ các nước tham chiến

A. ủng hộ phe Hiệp ước. B. ủng hộ phe Liên minh.

C. chấm dứt chiến tranh. D. ủng hộ nước Nga.

**Câu 14**. **Đâu là** **hệ quả ngoài ý muốn của các nước đế quốc khi tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất?**

A. Bị thiệt hại hết sức nặng nề về người và của**.**

B. Cách mạng tháng Mười thành công, nhà nước Xô viết thành lập.

C. Gây ra những mâu thuẫn trong nội bộ các nước đế quốc.

D. Các nước đều phải vay nợ Mĩ để phục hồi kinh tế.

**BÀI 7: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI**

**Câu 1.** La-phông-ten là nhà ngụ ngôn cổ điển nước nào?

A. Anh. B. Pháp. C.Đức. D.Nga.

**Câu 2.** Ai là đại biểu xuất sắc cho nền bi kịch cổ điển Pháp?

A. Cooc-nây. B. La-phông-ten. C. Mô-li-e. D. Víc-to Huy-gô.

**Câu 3**. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức trong buổi đầu thời cận đại là

A.Mô-da. B. Trai-cốp-xki. C. Bét-to-ven. D. Pi-cát-xô.

**Câu 4**. Nhà văn tiêu biểu cho nền văn học Pháp thế kỉ XIX- XX là

A. Lép-tôn-xtôi. B.Vích-to Huy-gô. C. Lỗ Tấn. D. Mác Tuên.

**Câu 5**. Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Lép-tôn-xtôi là

A. "Những người khốn khổ".

B. "Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoay-ơ".

C."Chiến tranh và hòa bình".

D. "Những người I-nô-xăng đi du lịch".

**Câu 6**. Những bản giao hưởng nổi tiếng số 3, số 5, số 9 của nhà soạn nhạc

A. Mô- da. B. Bét- tô-ven.

C. Trai- cốp- xki. D. Sô- panh.

**Câu 7.** Vở balê “Hồ thiên nga” là sáng tác của ai?

A. Mô- da. B. Bét- tô-ven.

C. Trai- cốp- xki. D. Sô- panh.

**Câu 8.** Tư tưởng “Triết học Ánh sáng” thế kỉ XVII- XVIII có tác dụng gì?

A. Dọn đường cho cách mạng Pháp 1789 thắng lợi.

B. Kìm hãm Cách mạng Pháp phát triển.

C. Kêu gọi mọi người đấu tranh bằng vũ lực.

D. Hạn chế ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến.

**Câu 9.** Hai tác phẩm nổi tiếng “Nhà thờ Đức Bà Pa-ri” và “Những người khốn khổ” của tác giả nào**?**

A. Ban-dắc. B. Vích-to Huy-gô.

C. Lép Tôn-xtôi. D. Mác-xim Gooc-ki.

**Câu 10.** Nhà văn hóa lớn của Ấn Độ đạt giải Nô ben năm 1913 là ai?

A. Lỗ Tấn. B.Ta go. C.Hô-xê Ri-đan. D.Hô-xê Mác-ti.

**Câu 11.** Văn học, nghệ thuật, tư tưởng vào buổi đầu thời cận đại có vai trò quan trọng trong việc

A. khẳng định những giá trị truyền thống.

B. làm cầu nối để mở rộng giao lưu văn hóa.

C. tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến và hình thành quan điểm, tư tưởng của giai cấp tư sản.

D. định hướng cho sự phát triển của các quốc gia.

**BÀI 9: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ CUỘC ĐẤU**

**TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917-19921)**

**Câu 1.** Sự kiện mở đầu cho Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

A. cuộc biểu tình của 9 vạn nữ nông dân Pêtơrôgrát.

B. cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pêtơrôgrát.

C. cuộc biểu tình của 9 vạn nam, nữ công nhân Pêtơrôgrát.

D. cuộc biểu tình của 9 vạn nam, nữ nông dân Pêtơrôgrát.

**Câu 2.**  Tính chất của Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

A. cách mạng xã hội chủ nghĩa.        B. cách mạng vô sản.

C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.        D. cách mạng giải phóng dân tộc.

**Câu 3.** Cách mạng tháng Hai ở Nga đã lật đổ được

A. chế độ Nga hoàng Nicolai II, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế ở nga.

B. chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB Nga phát triển.

C. chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản, xây dựng giai cấp công nhân.

D. chính quyền của giai cấp tư sản, giành chính quyền cho giai cấp vô sản.

**Câu 4.** Kết quả lớn nhất mà Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga giành được là

A. quân cách mạng đã chiếm được các công sở.

B. chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ.

C. bắt giam các bộ trưởng và tướng tá của Nga hoàng.

D. nhân dân tiếp tục đấu tranh, thành lập chính quyền cách mạng.

**Câu 5.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga

A. Làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga.

B. Giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc Nga khỏi ách áp bức bóc lột.

C. Đưa người lao động trở thành người làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.

D. Đưa đến sự thành lập Liên bang Xô viết (Liên Xô.)

**Câu 6.** Điểm giống nhau của cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười?

A.Lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa.

B.Đưa nước Nga phát triển lên con đường xã hội chủ nghĩa.

C.Giành được chính quyền về tay nhân dân lao động.

D.Cách mạng do Đảng Bôn sê vich đứng đầu là Lê nin lãnh đạo.

**Câu 7.** “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Nguyễn Ái Quốc rút ra chân lý đó dưới sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng nào sau đây?

A .Cách mạng DTDC ND Trung Hoa.

B .Cách mạng Tư sản Pháp.

C .Cách mạng Tháng Mười Nga.

D .Cách mạng Tháng Hai ở Nga.

**Câu 8.** Vì sao nói sau cách mạng tháng Hai, một tình hình chính trị phức tạp chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga?

A. Có hai chính quyền đại diện cho hai giai cấp đối lập song song cùng tồn tại.

B. Chính quyền nhân dân lao động lần đầu được thành lập.

C. Chính quyền rơi vào tay giai cấp tư sản không tham gia vào cách mạng.

D. Nga tiến vào thời kì quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9.** Mục tiêu và đường lối cách mạng tháng Mười Nga được Lê nin trình bày rõ trong tác phẩm nào sau đây?

A. Luận cương tháng tư.

B. Nhà nước và cách mạng.

C. Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao.

D. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

**Câu 10**. Đỉnh cao của hình thức đấu tranh trong cuộc Cách mạng tháng Hai ở Nga 1917 là gì?

A. Khởi nghĩa từng phần.

B. Biểu tình thị uy.

C. Chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.

D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 11**. Tình trạng chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai là?

A. Xuất hiện tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.

B. Quân đội cũ nổi dậy chống phá.

C. Các nước đế quốc can thiệp vào nước Nga.

D. Nhiều đảng phái phản động nổi dậy chống phá cách mạng.

**BÀI 10: LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921-1941)**

**Câu 1.** Tháng 3 – 1921 Đảng Bôsêvích Nga quyết định thực hiện

A. Cải cách ruộng đất. B. Chính sách cộng sản thời chiến.

C. Chính sách kinh tế mới(NEP). D. Hợp tác hóa nông nghiệp.

**Câu 2.** Trong nông nghiệp, Chính sách kinh tế mới đề ra chủ trương gì?

A**.** Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực.

B. Nông dân phải bán một phần số lương thực dư thừa cho Nhà nước.

C. Thay thế thuế lương thực từ nộp bằng hiện vật sang nộp bằng tiền.

D. Cơ giới hóa nông nghiệp.

**Câu 3.** Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) được thành lập dựa trên yêu cầu nào?

A. Sự giúp đỡ từ bên ngoài.

B. Hợp tác kinh tế giữa các dân tộc trên đất nước Nga.

C. Tự nguyện, tự quyết của các dân tộc.

D. Tự liên minh chặt chẽ giữa các dân tộc trên lãnh thổ Xô viết nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt.

**Câu 4 .** Từ chính sách kinh tế mới ở Nga, bài học kinh nghiệm nào mà Việt Nam có thể học tập cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

A. Chỉ tập trung phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn.

B. Quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn, tổng công ti lớn.

C. Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng.

D**.** Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước.

**Câu 5.** Nội dung nào **không** phải là đặc điểm nổi bật của nền kinh tế nông nghiệp Liên Xô trong những năm 1921- 1941?

A. Nông nghiệp tập thể hóa

B. Nông nghiệp được cơ giới hóa

C. Nông nghiệp có quy mô sản xuất lớn

D. Tiến hành “cách mạng xanh” trong nông nghiệp

**Câu 6.** Việc nhiều nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô (1922-1933) chứng tỏ điều gì?

A. Liên Xô có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh.

B. Liên Xô có khả năng ngoại giao chi phối các nước.

C. Uy tín ngày càng cao của Liên Xô trên trường quốc tế.

D. Các nước buộc phải thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

**Câu 7.** Trong chính sách kinh tế mới, ngành kinh tế nào ở Nga chưa được chú trọng thực hiện cải cách?

**A.** Nông nghiệp. B.Công nghiệp. C.Thương nghiệp và tiền tệ. D. Du lịch.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây không phải là nội dung của chính sách kinh tế mới?

A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế cố định.

B. Nhà nước tập trung khôi phục công nghiệp nặng.

C. Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp.

D. Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

**Câu 9.** Trong nông nghiệp, Chính sách kinh tế mới đề ra chủ trương gì?

A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực.

B. Nông dân phải bán một phần số lương thực dư thừa cho Nhà nước.

C. Thay thế thuế lương thực từ nộp bằng hiện vật sang nộp bằng tiền.

D. Cơ giới hóa nông nghiệp.

**BÀI 11. TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)**

**Câu 1.** Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc các nước tư bản đã họp nhau ở Véc-xai (Pháp) và Oa- sinh –tơn (Mĩ) nhằm

A. kí kết các hiệp ước và hoà ước để phân chia quyền lợi.

B. bàn cách đối phó chống lại Liên xô.

C. bàn cách nhằm phát triển kinh tế ở Châu Âu.

D .bàn cách hợp tác về quân sự.

**Câu 2.** Quan hệ hòa bình giữa các nước tư bản trong thời gian sau chiến tranh thế giới thứ nhất là:

A. Tạm thời và mong manh. B. Lâu dài và bền vững.

C. Lâu dài. D. Mong manh.

**Câu 3**. Đặc điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) là

A. cuộc khủng hoảng thiếu.

B. cuộc khủng hoảng ngắn nhất trong lịch sử.

C. cuộc khủng hoảng thừa, trầm trọng và kéo dài nhất.

D. cuộc khủng hoảng thiếu và trầm trọng nhất.

**Câu 4.** Nhằm duy trì trật tự thế giới mới, Hội Quốc liên thành lập là

A.một tổ chức chính trị, mang tính quốc tế đầu tiên.

B.tổ chức kinh tế thế giới đầu tiên.

C.một tổ chức kinh tế, văn hóa đầu tiên của thế giới.

D.một tổ chức nhằm giao lưu văn hóa trên thế giới.

**Câu 5**. Những nước nào sau đây, sau chiến tranh thế giới thứ nhất không có hoặc có ít thuộc địa.

A. Đức, Ý, Nhật. B. Anh, Pháp, Mỹ.

C. Anh, Pháp, Nga. D. Anh, Nhật, Ý.

**Câu 5.** Hậu nghiêm trọng nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

A. hàng trục triệu người trên thế giới thất nghiệp.

B. nhiều người bị phá sản, mất hết tiền bạc và nhà cửa.

C. sự xuất hiện của chủ nghĩa Phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới thứ hai.

D. lạm phát trở nên phi mã, nhà nước không thể điều tiết được.

**Câu 6**. Em hiểu thế nào là hệ thống Véc xai - Oa sinh tơn ?

A. Thiết lập trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm phân chia quyền lợi.

B. Xác lập mối quan hệ kinh tế và chính trị giữa các nước đế quốc và thuộc địa.

C. Xác lập mối quan hệ giữa các nước đế quốc với nhau.

D. Xác lập mối quan hệ giữa các nước đế quốc với thuộc địa.

**Câu 7**. Để thoát khỏi khủng hoảng các nước Anh, Pháp, Mỹ chọn lối thoát nào sau đây

A. Tiến hành những cải cách kinh tế-xã hội.

B. Tiến lên con đường chủ nghĩa xã hội.

C. Xác lập chế độ phát xít.

D. Tăng cường xâm chiếm thuộc địa.

**Câu 8.** Để thoát khỏi khủng hoảng Đức ,Ý ,Nhật, tìm cho mình lối thoát nào sau đây

A. Thiết lập chủ nghĩa phát xít.

B. Duy trì chế độ chủ nghĩa tư bản

C.Tăng cường xâm chiếm thuộc địa.

D.Tiến lên con đường chủ nghĩa tư bản.

**Câu 9.** Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 bắt đầu từ lĩnh vực:

A. Công nghiệp nặng. B. Tài chính ngân hàng.

C .Du lịch D. Nông nghiệp.

**Câu 10.** Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) diễn ra đầu tiên ở:

A. Anh. B. Mĩ. C. Pháp. D. Đức**.**

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về trật tự thế giới theo hệ thống Vecsxai-Oasinhton?

A.Thể hiện tương quan lực lượng mới giữa các nước tư bản.

B. Đáp ứng được đầy đủ quyền lợi của các nước thắng trận.

C. Không nặng nề và khắt khe với các nước bại trận.

D. Không làm nảy sinh mâu thuẫn giữa các nước thắng trận.

**Câu 14.** Ý nào **không** phản ánh đúng hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933?

A. Tàn phá nặng nề nền kinh tế của các nước tư bản.

B. Đem lại nhiều cơ hội và quyền lợi cho một số nước tư bản.

C. Công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, đời sống khó khăn.

D. Gây hậy quả nghiêm trọng về chính trị, xã hội, đe dọa sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

**BÀI 13. NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)**

**Câu 1.** Ai đã đề ra “chính sách mới” và đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng kinh tế 1929- 1933?

A. Tơ-ru-man. B. Ru-dơ-ven.

C. Ai-xen-hao. D. Clin-tơn

**Câu 2.** Đạo luật nào sau đây **không** nằm trong “chính sách mới” của Ru-dơ-ven?

A. Đạo luật phục hưng công nghiệp. B. Đạo luật ngân hàng.

C. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp. D. Đạo luật an sinh, xã hội.

**Câu 3.** Đứng trước cuộc khủng hoảng 1929 – 1933, tổng thống Ru-dơ-ven đã duy trì chế độ

A. Dân chủ tư sản. B. Quân chủ chuyên chế

C. Độc tài phát xít. D. Xã hội chủ nghĩa.

**Câu 4.**Nước nào sau đây đã thực hiện Đạo luật phục hưng công nghiệp để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933?

A. Anh. B. Pháp. C. Nhật. D. Mĩ

**Câu 5.** Đạo luật quan trọng nhất trong “chính sách mới” là

A. đạo luật ngân hàng. B. đạo luật phục hưng công nghiệp.

C. đạo luật điều chỉnh nông nghiệp. D. đạo luật chính trị, xã hội.

**Câu 6.** Tổng thống duy nhất của nước Mĩ giữ chức suốt 4 nhiệm kì liền là:

A. Ai-xen-hao. B. Ken-nơ-dy.

C. Ru-dơ-ven. D. Tơ-ru-man.

**Câu 6.** Mĩ đã thực hiện chính sách gì đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm thế giới?

A. Chính sách thực lực nước Mĩ. B. Chính sách trung lập.

C. Chính sách chạy đua vũ trang. D. Chính sách láng giềng thân thiện.

**Câu 7.** Vì sao Mĩ thực hiện chính sách láng giềng thân thiện?

A.Khôi phục mối quan hệ với các nước Mĩ la-tinh.

B.Viện trợ nhân đạo đối với các nước Mĩ la-tinh.

C.Can thiệp vũ trang đối với các nước Mĩ la-tinh.

D.Ràng buộc Mĩ la-tinh vào Mĩ.

**Câu 8.** Trong đối ngoại, chính sách đạo luật trung lập của Mĩ đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế trong những năm 30 thế kỉ XX?

A.Tạo điều kiện cho chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây chiến tranh thế giới.

B. Làm gia tăng tình trạng đối đầu hai cực, hai phe trên thế giới.

C. Kiên quyết ngăn chặn chủ nghĩa phát xít.

D. Thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác giữa hai khối đế quốc.

**Câu 9.** “Đạo luật phục hưng công nghiệp” là đạo luật quan trọng nhất trong “chính sách mới” của nước Mĩ vì:

A. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

B. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và điều chỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp.

C. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và giải quyết nạn thất nghiệp.

D. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản

phẩm công nghiệp và các đạo luật về ngân hàng.

**BÀI 12: NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1929 – 1939)**

**Câu 1.** Nguyên nhân nào dẫn đến việc đảng Quốc xã lên cầm quyền ở Đức?

A. Giai cấp tư sản cầm quyền ở Đức bất lực đối với cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1923.

B. Giai cấp tư sản ủng hộ Hit-le.

C. Đảng Cộng sản, đảng Xã hội dân chủ thiếu kiên quyết chống chủ nghĩa phát xít.

D. Đảng Quốc xã có lực lượng mạnh, đứng đầu là Hit-le.

**Câu 2.** Ngành công nghiệp được chú trọng ở Đức thời kì 1933 – 1939 là

A. công nghiệp quân sự. B. công nghiệp nặng.

C. công nghiệp nhẹ. D. công nghiệp đường sắt, đóng tàu.

**Câu 3.** Nguyên nhân Đức trở thành lò lửa chiến tranh ở Châu Âu là

A. tính hiếu chiến của giới cầm quyền Đức.

B. kinh tế phát triển nhất Châu Âu nhưng có ít thuộc địa.

C. tài quân sự của Hit-le.

D**.** lãnh thổ Đức rộng lớn, tiềm lực quân sự mạnh.

**Câu 4**.Ngày 30 – 1 – 1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng đã

A. mở ra thời kỳ phát triển mới trong lịch sử nước Đức.

B. đánh dấu sự thắng lợi của chủ nghĩa phát xít ở nước Đức.

C. mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

D. đánh dấu sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Đức.

**Câu 4.** Việc làm đầu tiên của Hít-le sau khi lên nắm quyền ở Đức là

A. tập trung phát triển kinh tế, trước hết là công nghiệp nặng.

B. xây dựng quân đội thường trực mạnh chuẩn bị cho chiến tranh.

C. thiết lập nền chuyên chính, độc tài, công khai khủng bố các đảng phái tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản.

D. tiến hành cải cách đất nước theo hướng dân chủ hóa.

**Câu 6**. Dưới thời kì cầm quyền của Hít-le, nền kinh tế Đức được phát triển theo hướng

A. đa dạng các ngành nghề, trong đó tập trung vào phát triển công nghiệp.

B. chỉ chú trọng phát triển các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu dân sự.

C. tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự.

D. hàng hóa, phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

**Câu 7.** Tháng 10 – 1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên nhằm mục đích

A. không muốn thực hiện các thỏa thuận được kí kết với các nước thắng trận.

B. để được tự do hành động, triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

C. để được tự do phát triển nền kinh tế, không bị ràng buộc bởi các nước tư bản khác.

D. để chuẩn bị cho hoạt động xâm lược thuận lợi hơn.

**BÀI 14: NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)**

**Câu 1.** Khủng hoảng kinh tế (1929-1933) diễn ra nghiêm trọng nhất trong ngành nào của Nhật Bản?

A. Ngành công nghiệp nặng. B. Ngành nông nghiệp.

C. Ngành công nghiệp nhẹ. D. Ngành tài chính và ngân hàng.

**Câu 2**. Để khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng giới cầm quyền Nhật Bản đã đề ra giải pháp nào?

A. Cải cách kinh tế, xã hội. B. Đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa.

C. Nhờ sự giúp đỡ bên ngoài. D. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.

**Câu 3.** Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản có tác dụng như thế nào đối với quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật?

A. Làm phá sản quá trình quân phiệt hóa.

B. Làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa.

Làm tăng nhanh quá trình quân phiệt hóa.

Làm chuyển đổi quá trình quân phiệt hóa sang phát xít hóa.

**Câu 4.** Để vượt qua cuộc khủng hoảng 1929-1933 giới cầm quyền Nhật Bản đã chủ trương

A. thực hiện chế độ chuyên chế độc tài phát xít.

B. thực hiện nền dân chủ mở của, ứng dụng những thành tựu KHKT

C. thực hiện chính sách mới của Tổng thống Rudơven.

D. quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài

**Câu 5.** Tại sao cuối thập niên 20 của thế kỷ XX, chính phủ Nhật Bản đã chuyển hướng sang thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại hiếu chiến?

A. Do sự cạnh tranh của các cường quốc tư bản khác.

B. Sự bất ổn định kinh tế-xã hội.

C. Sức ép từ phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.

D. Sự khan hiếm nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa.

**Tự luận:**

1. Ý nghĩa của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917? Ảnh hưởng của Cách mạng tháng 10 đến Việt Nam?

2. Trình bày những nét khái quát về cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933? Tại sao cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 lại dẫn tới nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới?

3. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) để lại hậu quả như thế nào đối với nước Mĩ?

4. Em hãy nêu những điểm cơ bản trong chính sách mới của Tổng thống Ru-dơ-ven. Phân tích chính sách đối ngoại của Mĩ (1929-1933)